

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/HS-ST

Ngày : 29/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Mai.
- Ông Nguyễn Bảo Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2025/TLHS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

TRẦN HỮU S; tên gọi khác: Trần Thành L; giới tính: Nam; sinh ngày 02 tháng 6 năm 1967 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký thường trú: Căn hộ A TDP G, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Căn hộ A TDP G, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hữu T, đã chết và bà Trương Thị B, sinh năm 1943; anh, chị: 05 người (bị cáo là người thứ 02); vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1978; con: có 02 người lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H (Có mặt).

Bị hại:

- Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1970 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: 1/8/67/14, tổ E, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1971 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: F Đường số C KDC V, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 27/5/1998, Trần Hữu S đến chơi nhà ông Đỗ Quang H1 tại địa chỉ nhà không số, Tổ 7c, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi nhìn thấy ông Nguyễn Xuân H điều khiển xe máy Honda C50 biển số 50PC-6915, S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của ông H để lấy tiền trả nợ, hỏi mượn xe máy của ông H để chở bạn về nhà, ông H đồng ý. S điều khiển xe máy đến giao cho chủ nợ (không xác định lai lịch, địa chỉ) để cản trừ số nợ 5.000.000 đồng sau đó không quay lại nữa.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, S đến chơi nhà bà Lê Thị Thu N tại địa chỉ số D N, Phường I, quận P, rủ bà N lấy xe máy Honda Wave biển số 53R2-5506 của bà N chở S đến nhà ông Phạm Quang T1 tại địa chỉ số E B, Phường B, quận T chơi, bà N đồng ý. Khi đến nơi, S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của bà N, mượn xe để S chở ông T1 đi mua bia. Sau khi mua bia cách nhà ông T1 khoảng 100 mét, S yêu cầu ông T1 mang bia về nhà trước, còn S điều khiển xe đi mua đồ ăn. Tuy nhiên, S điều khiển xe máy trên đến khu vực Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (không xác định địa chỉ) để giao cho chủ nợ (không xác định thông tin, lai lịch) để cản trừ số nợ 10.000.000 đồng rồi bỏ trốn.

Sau khi biết bị S lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ông H và bà N đến trình báo tại Công an P, quận T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Hữu S. Do S bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ra Lệnh truy nã đối với S. Quá trình bỏ trốn, S đăng ký chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh H vào năm 2005, lấy tên Trần Thành L. Ngày 23/12/2024, S bị Công an phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội bắt, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong Tổ tụng hình sự quận T xác định tổng trị giá tài sản là 42.000.000 đồng, cụ thể:

- 01 xe máy Honda C50 biển số 50PC-6915, trị giá 11.500.000 đồng. Ông Nguyễn Xuân H mua xe của một người tên Hà A (không xác định lai lịch), có làm giấy mua bán nhưng không làm thủ tục sang tên, Hà A mua xe máy trên từ ông Hồ Minh N1. Tra cứu thông tin xe máy trên không có trong dữ liệu quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, không có trong dữ liệu vật chứng. Ông Hồ Minh N1 khai nhận bán xe cho 01 người tên Hà A như nêu trên.

- 01 xe máy Honda Wave biển số 53R2-5506, trị giá 30.500.000 đồng, đăng ký chủ sở hữu là bị hại bà Lê Thị Thu N.

Tại Cơ quan điều tra, S khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm 01 xe máy Honda C50 biển số 50PC-6915 của ông Nguyễn Xuân H và 01 xe máy Honda Wave biển số 53R2-5560 của bà Lê Thị Thu N, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập trong hồ sơ. Quá trình điều tra, không thu hồi được 02 xe máy trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy tìm đối với 02 xe máy nhưng đến nay chưa có kết quả.

Vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD chứa dữ liệu lời khai có ghi âm, ghi hình Trần Hữu S thừa nhận hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ của bị cáo Trần Hữu S là bà Nguyễn Thị L1 đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Xuân H số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng và cho bà Lê Thị Thu N số tiền 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng. Ông H và bà N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và không có yêu cầu gì khác

Tại Bản cáo trạng số 70/CT-VKSTB ngày 22 tháng 4 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Trần Hữu Sâm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Hữu S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985; về trách nhiệm dân sự do gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại có ý kiến trình bày không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Sau phần luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm giúp cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận T lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo Trần Hữu S về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng; nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tang vật và tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận vào năm 1998 bị cáo Trần Hữu S đã có hành vi gian dối, lợi dụng sự tin tưởng, sơ hở của ông Nguyễn Xuân H, bà Lê Thị Thu N để mượn 01 xe máy Honda C50 biển số 50PC-6915 trị giá 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 xe máy Honda Wave biển số 53R2-5506 trị giá 30.500.000 (Ba mươi triệu năm trăm nghìn) đồng rồi bỏ trốn và chiếm đoạt hai xe máy trên để trả nợ cá nhân của bị cáo. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có hành vi phạm pháp luật khác, bị cáo có nơi cư trú ổn định, vợ của bị cáo tự nguyện nộp tiền bồi thường cho các bị hại thay cho bị cáo và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vụ án xảy ra đã lâu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không thực hiện bất kì hành vi vi phạm nào khác. Ngoài ra, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2024 và tạm giam từ ngày đó đến khi xét xử sơ thẩm là 05 tháng 06 ngày, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian tạm giam đã đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, nên việc Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù bằng với thời hạn tạm giam cho bị cáo cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 1985.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 1985.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị hại đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu lời khai có ghi âm, ghi hình bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 25; Điều 37; Điểm a, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 38; Điểm h khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự 1985 ;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136, Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Xử phạt bị cáo: Trần Hữu S 05 (năm) tháng 06 (sáu) ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2024. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay sau khi kết thúc phiên tòa ngày 29/5/2025 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

[2] Xử lý vật chứng của vụ án: Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa DVD chứa dữ liệu lời khai có ghi âm, ghi hình bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Cơ quan CSĐT CA TP.HCM;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc